

Bản án: 117/2021/DS-ST
Ngày: 27/9/2021
V/v tranh chấp “hợp đồng
dân sự, vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ly
2. Ông Trương Phước Công

-Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 09 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 145/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 399/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 08 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 381/2021/QĐST-DS, ngày 09 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị Thanh X, sinh năm 1965; địa chỉ: số 437 tổ 18, ấp T.P, xã T.M, huyện C.M, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Quốc N, Luật sư của chi nhánh công ty Luật TNHH MTV A-T thuộc đoàn luật sư thành phố Cần Thơ; địa chỉ: 423 ấp M.H, thị trấn M.L, huyện C.M, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt);

2. *Bị đơn:* Bà Bùi Ngọc T, sinh năm 1974; địa chỉ: tổ 23, ấp Tấn Phước, xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* ông Ông Bảo Q, sinh năm 1969; địa chỉ: tổ 23 ấp T.P, xã T.M, huyện C.M, tỉnh An Giang (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án bà Dương Thị Thanh X trình bày, từ năm 2015 đến năm 2016, vợ chồng Bùi Ngọc T và Ông Bảo Q có vay vàng của bà nhiều lần, tổng cộng là 125 chỉ vàng 24 kara (9999), khi vay không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả, hai bên có lập biên nhận nợ do bà T trực tiếp ký tên, mục đích vay để lo kinh tế cho gia đình. Sau đó, bà T và ông Q hẹn mỗi tháng trả 03 chỉ vàng. Từ khi làm biên nhận nợ vào năm 2017 cho đến nay thì bà T, ông Q không trả nợ cho bà.

Ngoài ra, từ ngày 28/6/2017 đến ngày 19/11/2017 bà T nhiều lần vay tiền của bà với số tiền 28.000.000 đồng; đến ngày 20/9/2021 bà X có đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 28.000.000 (hai mươi tám triệu) đồng. Nay, bà X chỉ còn giữ yêu cầu bà T và ông Q cùng có trách nhiệm liên đới trả số vàng 125 chỉ vàng 24 kara (9999).

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là Tờ biên nhận nợ các từ năm 2015 đến năm 2016 có chữ ký, chữ viết của bà Thúy (bản photo).

Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Ngọc T và ông Ông Bảo Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Bà Dương Thị Thanh X có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông Bùi Quốc N có đơn xin vắng mặt, ông N gửi văn bản trình bày ý kiến. Đối với số tiền vay là 28.000.000, bà X có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền này, đây là sự tự nguyện của bà X nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết, và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận khởi kiện của bà Dương Thị Thanh X yêu cầu bà T và ông Q đối với số vàng vay là 125 chỉ vàng 24 kara (9999), việc bà T và ông Q vay vàng của bà X mục đích phục vụ cho kinh doanh và sinh hoạt trong gia đình và khoản vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà T và ông Q cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà X số vàng là 125 chỉ vàng 24 kara (9999).

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đối với người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71, Điều 72 và Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Từ năm 2015 đến năm 2017, bà Dương Thị Thanh X có cho bà Bùi Ngọc T vay tổng cộng 125 chỉ vàng loại 24kara (9999) và 28.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ, mục đích vay để làm ăn lo kinh tế gia đình, hứa mỗi tháng trả 3 chỉ vàng 24kara (9999), nhưng đến nay chưa trả. Hiện, vợ chồng bà T, ông Q đã bỏ địa phương đi nơi khác làm ăn. Nay yêu cầu bà T, ông Q trả 125 chỉ vàng loại 24kara (9999) và số tiền 28.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Phía bà T, ông Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, nên không ghi được ý kiến.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa bà X với bà T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và được lập thành văn bản nên căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự công nhận hợp đồng vay tài sản giữa bà X với bà T. Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà X khởi kiện yêu cầu bà T trả 125 chỉ vàng loại 24kara (9999) là có căn cứ.

Ngày 20/9/2021, bà X có đơn rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 28.000.000 đồng nên căn cứ Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà X.

Riêng ông Q, tuy không trực tiếp giao dịch dân sự với bà X, không ký tên vào biên nhận nợ, nhưng đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà T và ông Q, mục đích bà T vay tiền và vàng của bà X để phát triển kinh tế gia đình, nên bà X yêu cầu ông Q liên đới cùng bà T trả 125 chỉ vàng 24kara (9999) là phù hợp Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình. Về lãi suất, do bà X không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình:

- Công nhận hợp đồng vay tài sản giữa bà Dương Thị Thanh X với bà Bùi Ngọc T.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Thanh X đối với 125 chỉ vàng 24kara (9999).

- Buộc bà Bùi Ngọc T, ông Ông Bảo Q có trách nhiệm liên đới trả cho bà Dương Thị Thanh Xuân 125 chỉ vàng 24kara (9999).

- Đình chỉ đối với yêu cầu của bà Dương Thị Thanh X yêu cầu bà Bùi Ngọc T, ông Ông Bảo Q trả 28.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số vàng vay còn nợ, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có nơi cư trú tại huyện C.M, tỉnh An Giang. Do đó, được xác định là vụ án tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.M là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do tình hình dịch bệnh covid-19 diễn biến phức tạp, việc đi lại gặp nhiều khó khăn nên yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành việc xét xử.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Giao dịch dân sự về hợp đồng vay tài sản được xác lập năm 2015, căn cứ Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 157 và Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015, vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời trình bày của các đương sự; căn cứ vào giấy biên nhận nợ do nguyên đơn cung cấp thể hiện giữa hai bên có xác lập hợp đồng vay tài sản trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc, hình thức và nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật hay trái đạo đức xã hội nên đây là hợp đồng hợp pháp, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên.

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng vay tài sản, trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời trình bày của nguyên đơn; căn cứ vào giấy biên nhận nợ do nguyên đơn cung cấp, để chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn, bà Bùi Ngọc T có viết nhiều tờ biên nhận thể hiện rõ có việc vay số vàng 125 chỉ vàng 24 kara (9999) của bà Dương Thị Thanh X

[2.2] Xét thấy, bà Bùi Ngọc T, ông Ông Bảo Q trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bà T, ông Q vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham dự phiên tòa, không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự; có cơ sở xác định, bà T vay vàng của bà X mục đích kinh doanh và sinh hoạt trong gia đình đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, mục đích vay tiền phục vụ cho lợi ích chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ buộc bà T và ông Q cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà X số vàng 125 chỉ vàng 24 kara(9999) là phù hợp.

[2.3] Đối với việc bà Dương Thị Thanh X rút yêu cầu khởi kiện bà T và ông Q đối với số tiền vay là 28.000.000 đồng là tự nguyện và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần đối với yêu cầu khởi kiện của bà X.

[3] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.500.000 đồng theo biên lai thu số 0002684 ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.M.

Bị đơn Bùi Ngọc Thúy, ông Ông Bảo Quốc phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị tài sản nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận.

Giá vàng cập nhật vào ngày 27/9/2021 quy đổi thành tiền có giá là 5.130.000 đồng/chỉ x 125 chỉ, tương ứng số tiền 641.250.000 đồng. Do đó, bà Bùi Ngọc T, ông Ông Bảo Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 29.650.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 227; 228; Điều 217, 244; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463; Điều 466; Điều 357; 288; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Thanh X đối với bà Bùi Ngọc T và ông Ông Bảo Q.

Buộc bà Bùi Ngọc T và ông Ông Bảo Q cùng có trách nhiệm liên đới trả 125 chỉ vàng 24 kara (9999) cho bà Dương Thị Thanh X.

2. Đình chỉ một phần khởi kiện của bà Dương Thị Thanh X đối với yêu cầu bà Bùi Ngọc T và ông Ông Bảo Q trả số tiền vay 28.000.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Dương Thị Thanh X được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.500.000 đồng theo biên lai thu số 0002684 ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Bà Bùi Ngọc T và ông Ông Bảo Q phải chịu 29.650.000 đồng (hai mươi chín triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng), án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theoqui định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Chợ Mới;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong